

Số: ~~214~~ /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày ~~22~~ tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch năm 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện dự toán ngân sách nhà nước đã được HĐND tỉnh giao, ngay từ đầu năm 2024, UBND tỉnh đã tập trung tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024; đồng thời, tập trung chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024. Trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 4607/STC-NS ngày 21/12/2024, UBND tỉnh báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch năm 2025 như sau:

PHẦN I

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

I. Thu ngân sách nhà nước

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2024 ước đạt 29.503 tỷ đồng, bằng 115,5% dự toán HĐND tỉnh giao; bằng 96,2% so với thực hiện năm 2023 (Chi tiết tại Phụ lục số 01). Trong đó:

1. Thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 29.462 tỷ đồng, bằng 115,9% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 96,2% so với thực hiện năm 2023. Trong đó:

a) Thu nội địa:

a1) Thu nội địa cả năm ước đạt 17.640 tỷ đồng, bằng 100% dự toán HĐND tỉnh giao; bằng 84,4% so với thực hiện năm 2023. Trong đó:

- Thu từ hoạt động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất ước đạt 10.200 tỷ đồng, bằng 124,3% dự toán, bằng 80,1% so với thực hiện năm 2023.

- Thu tiền sử dụng đất ước đạt 405 tỷ đồng, bằng 15,6% dự toán, bằng 39,2% so với thực hiện năm 2023; trong đó: cấp tỉnh thu 164 tỷ đồng, cấp huyện thu 241 tỷ đồng.

- Các khoản thu còn lại (trừ thu từ hoạt động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất và thu tiền sử dụng đất) ước đạt 7.035 tỷ đồng, bằng 102,9% dự toán, bằng 98,5% so với thực hiện năm 2023.

a2) Đánh giá một số khoản thu nội địa:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương ước đạt 10.474 tỷ đồng, bằng 123,6% dự toán giao, bằng 80,5% so với năm 2023. Nguồn thu từ khu vực này tăng so với dự toán HĐND tỉnh giao là 2.001 tỷ đồng, chủ yếu tăng thu từ hoạt động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

Dự kiến cả năm, Nhà máy lọc dầu Dung Quất tiêu thụ 6,41 triệu tấn sản phẩm. Giá dầu thô thế giới bình quân cả năm dự kiến ở mức 88 USD/thùng (*giá dầu thô HĐND tỉnh giao dự toán là 70 USD/thùng*). Thuế ước nộp ngân sách cả năm 2024 là 10.200 tỷ đồng, đạt 124,3% dự toán (*Thuế GTGT: 4.290 tỷ đồng; Thuế TTĐB 5.210 tỷ đồng; Thuế TNDN 700 tỷ đồng*).

- Thu từ Doanh nghiệp nhà nước địa phương: Ước cả năm thu 49 tỷ đồng; đạt 108,6% dự toán, bằng 94,2% so với cùng kỳ năm 2023.

- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 810 tỷ đồng, bằng 109% dự toán, bằng 98,2% so với cùng kỳ. Vượt dự toán giao chủ yếu do một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nộp đột biến thuế TNDN, tuy nhiên giảm so với cùng kỳ do giảm thu từ Công ty CP Doosan Vina.

- Thu từ khu vực công thương nghiệp - dịch vụ ngoài quốc doanh ước đạt 3.746 tỷ đồng, bằng 98,2% dự toán giao, bằng 106,9% so với năm 2023. Trong đó:

+ Thu từ hoạt động của Công ty CP Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi: Dự kiến cả năm tiêu thụ 160 triệu lít (tăng 02 triệu lít so với cùng kỳ). Nộp ngân sách cả năm 1.905 tỷ đồng, đạt 92,9% so với dự toán giao và bằng 102% so với cùng kỳ 2023 (trong đó có 1.678 tỷ đồng thuế TTĐB, bằng 102,4% cùng kỳ).

+ Thu từ hoạt động của Công ty CP Đường Quảng Ngãi: Dự kiến sản lượng bia tiêu thụ cả năm đạt 48 triệu lít (giảm 3 triệu lít so với cùng kỳ), các khoản thuế nộp ngân sách cả năm 432 tỷ đồng, đạt 103,8% dự toán, bằng 96,4% so cùng kỳ.

+ Thu từ hoạt động của Công ty CP thép Hòa Phát – Dung Quất: ước nộp 137,7 tỷ đồng, đạt 125,2% dự toán và bằng 295,1% so với cùng kỳ, là do nộp theo kê khai bổ sung thuế tài nguyên cho lượng đất, đá đã khai thác trong năm 2022 và 2023.

+ Thu từ các Doanh nghiệp và cá nhân kinh doanh còn lại: Ước cả năm thu 1.271,3 tỷ đồng, đạt 102,7% dự toán, tăng 11,3% so với cùng kỳ. Trong đó thu từ cá nhân kinh doanh là 71 tỷ đồng, bằng 99% so với cùng kỳ.

- Thuế thu nhập cá nhân ước đạt 615 tỷ đồng, bằng 115% dự toán giao, bằng 114,7% so với năm 2023. Chủ yếu do một số Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nộp đột biến thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Thuế bảo vệ môi trường ước thu 485 tỷ đồng, bằng 107,8% dự toán và bằng 85,2% so với thực hiện năm 2023.

- Thu tiền sử dụng đất ước đạt 405 tỷ đồng, bằng 15,6% dự toán, bằng 39,2% so với năm 2023. Trong đó:

+ Dự án tỉnh làm chủ đầu tư: Ước thu 134 tỷ đồng, đạt 8% dự toán, chủ yếu từ các khu tái định cư phục vụ cao tốc Quảng Ngãi - Hoài Nhơn.

+ Dự án các huyện, thị xã, thành phố làm chủ đầu tư (bao gồm cả cấp giấy và chuyển mục đích sử dụng đất): Ước thu 211 tỷ đồng, đạt 49,1% dự toán.

+ Dự án kinh doanh bất động sản: Ước thu 60 tỷ đồng, đạt 12% dự toán; gồm: Khu dân cư Đông Sơn Mỹ 44 tỷ đồng, Khu đô thị Nam Lê Lợi 16 tỷ đồng (thu nợ).

- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước: Ước thu cả năm 82,5 tỷ đồng, đạt 152,9% dự toán, bằng 76,3% so cùng kỳ. Vượt dự toán là do trong năm có một số doanh nghiệp nộp tiền thuê đất cho nhiều năm.

- Thu phí, lệ phí: Ước đạt 258,2 tỷ đồng, bằng 147,5% dự toán giao, bằng 140,4% so với cùng kỳ. Đạt cao dự toán và tăng mạnh so cùng kỳ do đột biến phí bảo vệ môi trường chủ yếu từ Công ty CP Thép Hòa Phát.

- Thu khác ngân sách ước thu 238,4 tỷ đồng, bằng 79,5% dự toán giao, bằng 70,5% so với năm 2023.

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Ước thu cả năm đạt 135,7 tỷ đồng, đạt 138,5% dự toán giao, bằng 70,1% so cùng kỳ. Năm 2024 có phát sinh đột biến 18 tỷ đồng tiền cấp quyền sử dụng khu vực biển và 58,8 tỷ đồng tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản nộp tiền một lần chủ yếu phục vụ dự án cao tốc Quảng Ngãi - Hoài Nhơn.

b) *Thu hoạt động xuất nhập khẩu*: cả năm ước đạt 11.788 tỷ đồng, bằng 151,5% dự toán giao, bằng 122,4% so với năm 2023. Nguồn thu từ hoạt động xuất nhập khẩu chủ yếu thu từ Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất với số thu dự kiến khoảng 7.669 tỷ đồng và thu từ hàng hóa xuất nhập khẩu của Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn khoảng 2.922 tỷ đồng.

c) *Thu viện trợ, Thu huy động, đóng góp*: cả năm ước đạt 34 tỷ đồng, phát sinh ngoài dự toán giao.

2. Thu vay vốn để bù đắp bội chi: Năm 2024 ước đạt 40,896 tỷ đồng từ nguồn vay lại của Chính phủ, bằng 31,3% dự toán giao.

II. Chi ngân sách nhà nước

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2024 ước đạt 17.705 tỷ đồng, bằng 95,2% dự toán HĐND tỉnh giao; bằng 101,9% so với thực hiện năm 2023 (*Chi tiết tại Phụ lục số 02*). Trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách địa phương:

a) Chi cân đối ngân sách địa phương ước đạt 15.817 tỷ đồng, bằng 96,6% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 107,5% so với năm 2023; trong đó:

a1) Chi đầu tư phát triển ước đạt 3.869 tỷ đồng, bằng 75,9% so dự toán giao, bằng 77,2% so với năm 2023.

a2) Chi thường xuyên: ước đạt 11.941 tỷ đồng, bằng 114,7% so dự toán giao, bằng 123,2% so với năm 2023.

a3) Chi bổ sung Quỹ Dự trữ tài chính ước đạt 4,1 tỷ đồng, bằng 360,2% so với dự toán giao, bằng 46,5% so với năm 2023.

a4) Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay, ước đạt 3,1 tỷ đồng, bằng 100% so dự toán giao.

b) Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi:

b1) Tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, công tác bố trí và tổ chức thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển (ĐTPT):

- Việc bố trí, phân bổ vốn, giao dự toán chi đầu tư phát triển cho các dự án, công trình trong năm 2024 tuân thủ theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2024, được UBND tỉnh Quảng Ngãi phân bổ kịp thời và đúng quy định theo các thông báo vốn của trung ương về mục tiêu, cơ cấu và chỉ tiêu kế hoạch vốn giao.

Tổng kế hoạch vốn giao năm 2024 của tỉnh là 5.045 tỷ đồng. Trong đó: Chi đầu tư XD CB vốn tập trung trong nước 2.202 tỷ đồng (*bao gồm chi từ nguồn thu sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước là 30 tỷ đồng và trả nợ gốc 12,388 tỷ đồng*), chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất 2.600 tỷ đồng, chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết là 112 tỷ đồng và chi từ nguồn bồi chi là 130,6 tỷ đồng; chi đầu tư phát triển khác 50 tỷ đồng (*bổ sung quỹ cho vay giải quyết việc làm*).

- Tình hình thực hiện chi ĐTPT: Dự kiến năm 2024 sẽ giải ngân từng nguồn vốn cụ thể như sau:

+ Chi đầu tư XD CB vốn tập trung trong nước dự kiến giải ngân 2.202 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao.

+ Chi đầu tư hạ tầng từ nguồn thu tiền sử dụng đất dự kiến giải ngân 1.461 tỷ đồng, bằng 56,2% kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao.

+ Chi đầu tư hạ tầng từ nguồn thu xổ số kiến thiết dự kiến giải ngân 112 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch vốn HĐND tỉnh.

+ Chi từ nguồn bồi chi dự kiến sẽ giải ngân 33 tỷ đồng, đạt 25,4% kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao.

+ Chi đầu tư phát triển khác ước đạt 60,5 tỷ đồng, bằng 121,1% kế hoạch vốn do HĐND tỉnh giao.

b2) Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên: Tổng chi thường xuyên ước đạt 11.941 tỷ đồng, bằng 114,7% so dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 123,2% so với thực hiện năm 2023. Trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề ước đạt 4.571 tỷ đồng, bằng 112,9% dự toán giao;

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ ước đạt 30,5 tỷ đồng, bằng 101,3% dự toán giao;

- Chi quốc phòng ước đạt 278 tỷ đồng, bằng 133,6% dự toán giao;

- Chi an ninh ước đạt 261 tỷ đồng, bằng 139,4% dự toán giao;

- Chi sự nghiệp y tế ước đạt 1.063 tỷ đồng, bằng 105,5% dự toán giao;

- Chi sự nghiệp văn hoá thông tin ước đạt 141 tỷ đồng, bằng 102,2% dự toán giao;

- Chi phát thanh, truyền hình ước đạt 45 tỷ đồng, bằng 106,3% dự toán giao;
- Chi sự nghiệp thể dục thể thao ước đạt 49 tỷ đồng, bằng 101% dự toán giao;
- Chi bảo vệ môi trường ước đạt 225 tỷ đồng, bằng 109,8% dự toán giao;
- Chi sự nghiệp kinh tế, ước đạt 2.357 tỷ đồng, bằng 124,3% dự toán giao;
- Chi hoạt động quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể ước đạt 1.954 tỷ đồng, bằng 108,7% dự toán năm;
- Chi đảm bảo xã hội ước đạt 896 tỷ đồng, bằng 113,3% dự toán năm;
- Chi thường xuyên khác ước đạt 71 tỷ đồng, bằng 128,9% dự toán năm;

Việc quản lý, kiểm soát và sử dụng chi ngân sách được thực hiện theo đúng chế độ quy định, trong phạm vi dự toán được giao đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả theo đúng quy định tại Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của UBND tỉnh về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2024.

b3) Dự phòng ngân sách cấp tỉnh (chi tiết theo Phụ lục số 03 đính kèm)

Kinh phí dự phòng ngân sách cấp tỉnh bố trí dự toán năm 2024 là 219,847 tỷ đồng. Dự kiến đến hết tháng 11/2024 sử dụng dự phòng ngân sách tỉnh 49,731 tỷ đồng. Việc quản lý, sử dụng dự phòng chi ngân sách cấp tỉnh được thực hiện tiết kiệm triệt để và theo đúng quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước.

Tóm lại, trong năm 2024, việc tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách trên địa bàn tỉnh cơ bản đảm bảo thực hiện theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Nghị quyết của HĐND tỉnh: Số 85/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, số 83/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024; Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của UBND tỉnh quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2024.

2. Chi các chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu:

- Vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương là 2.224 tỷ đồng; trong đó: Vốn đầu tư thực hiện chương trình, dự án là 723 tỷ đồng, vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ là 371 tỷ đồng, vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia là 1.130 tỷ đồng.

- Ước thực hiện đến hết năm 2024 là 1.888 tỷ đồng, bằng 84,9% dự toán giao và bằng 71% so với thực hiện năm 2023. Trong đó: Chương trình mục tiêu quốc gia là 897,565 tỷ đồng, đạt 79,4% (vốn đầu tư đạt 100%, vốn sự nghiệp đạt 60,9%); vốn đầu tư thực hiện chương trình, dự án là 619 tỷ đồng, đạt 85,6%; vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ là 371 tỷ đồng, đạt 100%.

3. Tình hình quản lý, sử dụng Quỹ dự trữ tài chính địa phương:

a) Số dư đến ngày 31/12/2023: 189,530 tỷ đồng.

b) Số phát sinh tăng trong năm 2024 là 4,106 tỷ đồng; gồm: Bổ sung từ dự toán chi ngân sách tỉnh 1,140 tỷ đồng, lãi tiền gửi (0,5%/năm) là 0,840 tỷ đồng, bổ sung từ nguồn tăng thu tiết kiệm chi năm 2023 là 2,126 tỷ đồng.

c) Phát sinh giảm trong năm: 0 đồng.

d) Số dư dự kiến đến ngày 31/12/2024: 193,636 tỷ đồng.

4. Về tình hình vay nợ của ngân sách địa phương:

a) Các khoản vay đầu tư, ngân sách tỉnh phải bố trí trả nợ:

- Số dư đầu năm 2024 là: 140,91 tỷ đồng;
- Số phát sinh tăng trong kỳ: 32,54 tỷ đồng;
- Số phát sinh giảm trong kỳ: 6,65 tỷ đồng.
- Số dư nợ vay đến 31/12/2024: 166,8 tỷ đồng.

b) Dư nợ vay đầu tư dự án Năng lượng nông thôn II (RE II) đến ngày 31/12/2024 là: 52,31 tỷ đồng. Khoản vay này do Công ty Điện lực Quảng Ngãi bố trí nguồn trả nợ (ngân sách tỉnh không phải trả khoản vay này).

5. Tình hình tạm ứng, ứng trước để thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản và nhiệm vụ khác (Chi tiết như phụ lục 04 đính kèm):

Tổng số dư nợ tạm ứng, ứng trước đến 31/12/2023 là 96,445 tỷ đồng; dự kiến đến ngày 31/12/2024 dư nợ tạm ứng, ứng trước còn 47,883 tỷ đồng, đây là các khoản tạm ứng, ứng trước không thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh, phải thu hồi từ các đơn vị; cụ thể:

- Thu hồi từ BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi: 22,353 tỷ đồng.
- Ngân sách huyện Lý Sơn: 24,55 tỷ đồng.
- Thu hồi từ Sở Công Thương: 0,98 tỷ đồng.

III. Đánh giá một số điểm đặc thù trong thực hiện nhiệm vụ ngân sách địa phương năm 2024

1. Đánh giá khả năng cân đối ngân sách địa phương so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2024:

Năm 2024, theo dự kiến thu nội địa đạt 17.640 tỷ đồng, thu cân đối phần ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp là 16.073 tỷ đồng, bằng 99% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm thu 167 tỷ đồng. Nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất (405 tỷ đồng); thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước (4,570 tỷ đồng), thu xổ số kiến thiết (120 tỷ đồng) thì thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp tăng thu 2.045 tỷ đồng so với dự toán HĐND tỉnh giao.

2. Đánh giá tình hình thực hiện một số chính sách an sinh xã hội:

a) Chính sách trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh năm 2024 theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 và số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ là 684,533 tỷ đồng và được bố trí trong cân đối ngân sách địa phương là 603,703 tỷ đồng, phần còn lại 80,830 tỷ đồng chưa được Trung ương bố trí.

b) Hỗ trợ tiền điện theo Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là 18,462 tỷ đồng và được bố trí trong cân đối ngân sách địa phương để thực hiện.

c) Chính sách hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ. Nhu cầu kinh phí là 538,246 tỷ đồng và được bố trí trong cân đối ngân sách địa phương để thực hiện.

d) Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn:

(1) Chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 và số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ là 41,892 tỷ đồng và được bố trí trong cân đối ngân sách địa phương để thực hiện.

(2) Chính sách hỗ trợ sử dụng giá dịch vụ sản phẩm công ích thủy lợi tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ là 83,077 tỷ đồng và được bố trí trong cân đối ngân sách địa phương để thực hiện.

e) Chính sách hỗ trợ ngư dân đánh bắt xa bờ theo quy định tại Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ: Nhu cầu kinh phí là 524,950 tỷ đồng; phần ngân sách trung ương đảm bảo (80%) trong năm là 419,960 tỷ đồng và đã bố trí 285,035 tỷ đồng; địa phương bố trí vốn đối ứng 105,425 tỷ đồng.

g) Chính sách hỗ trợ giáo dục - đào tạo:

(1) Chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016: Nhu cầu kinh phí năm 2024 là 128,190 tỷ đồng; địa phương sử dụng kinh phí giao trong cân đối ngân sách địa phương là 108,544 tỷ đồng; phần kinh phí tăng thêm là 19,646 tỷ đồng Trung ương chưa bố trí.

(2) Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ: Nhu cầu kinh phí năm 2024 là 20,606 tỷ đồng và được bố trí trong cân đối ngân sách địa phương để thực hiện.

(3) Chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH - BTC ngày 31/12/2013: Nhu cầu kinh phí năm 2024 là 8,943 tỷ đồng và được bố trí trong cân đối ngân sách địa phương để thực hiện.

(4) Chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ: Nhu cầu kinh phí năm 2024 là 116,207 tỷ đồng và được bố trí trong cân đối ngân sách địa phương là 110,965 tỷ đồng, phần kinh phí tăng thêm là 5,242 tỷ đồng Trung ương chưa bố trí.

(5) Chính sách chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập thực hiện theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg: Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2024 là 1,818 tỷ đồng và được bố trí trong cân đối ngân sách địa phương là 1,739 tỷ đồng, phần kinh phí tăng thêm là 0,079 tỷ đồng Trung ương chưa bố trí.

(6) Kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP: Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2024 là 41,068 tỷ đồng, đã bố trí trong cân đối ngân sách địa phương để thực hiện (khoản kinh phí này UBND tỉnh đã đề nghị Bộ Tài chính hỗ trợ tại Công văn số 4864/UBND-KTTH ngày 12/9/2024, nhưng đến nay chưa có ý kiến).

(7) Chính sách hỗ trợ học bổng học sinh dân tộc nội trú theo Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ: Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2024 là 38,311 tỷ đồng và được bố trí trong cân đối ngân sách địa phương là 30,682 tỷ đồng, phần kinh phí tăng thêm là 7,629 tỷ đồng Trung ương chưa bố trí.

IV. Những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm

1. Về thu

Năm 2024, thu nội địa đạt dự toán HĐND tỉnh giao; nhiều khoản thu, sắc thuế đạt và vượt dự toán giao. Tuy nhiên, vẫn còn một số khoản thu đạt khá thấp so với dự toán giao như: Thu khác ngân sách, thu tiền sử dụng đất, thu tiền sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước; nguyên nhân chủ yếu là do thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh trầm lắng, các cơ sở nhà, đất công sản không có người tham gia đấu giá.

Việc thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước và thu tiền sử dụng đất không đảm bảo dự toán giao đã làm ảnh hưởng đến thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư từ các nguồn vốn này.

2. Về chi

a) Nợ tạm ứng, ứng trước kéo dài nhiều năm nhưng chưa thu hồi dứt điểm (tổng dư nợ ứng trước ngân sách tỉnh đến 31/12/2024 là 47,883 tỷ đồng).

b) Tỉnh phải đảm bảo tối thiểu 20% nhu cầu kinh phí tăng thêm của các chính sách do Trung ương ban hành, nhất là chính sách hỗ trợ ngư dân đánh bắt xa bờ theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng chính phủ nên nguồn lực địa phương rất khó khăn cho việc bố trí vốn đầu tư phát triển.

c) Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất phải giảm tiến độ thực hiện dự án là 1.107,14 tỷ đồng (Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 27/9/2024) làm ảnh hưởng rất lớn đến công tác điều hành, giải ngân của tỉnh.

PHẦN II

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 04 NĂM 2021-2024

I. Về thu ngân sách nhà nước

Tổng thu NSNN trên địa bàn giai đoạn 2021-2024 ước đạt 117.893 tỷ đồng, bằng 108,4% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm 2021-2025 (kế hoạch giao 108.798 tỷ đồng). Trong đó:

1. Thu nội địa ước đạt 76.619 tỷ đồng, bằng 97,3% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm (kế hoạch giao 78.768 tỷ đồng) và chiếm 65% tổng thu NSNN trên địa bàn. Trong đó:

- Thu từ hoạt động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất ước đạt 46.653 tỷ đồng, bằng 158,6% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm (kế hoạch giao 29.424 tỷ đồng), chiếm 60,9% thu nội địa.

- Thu tiền sử dụng đất ước đạt 3.536 tỷ đồng, bằng 26,8% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm (kế hoạch giao 13.170 tỷ đồng), chiếm 4,6% thu nội địa.

- Thu xổ số kiến thiết ước đạt 406 tỷ đồng, bằng 67,4% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm (kế hoạch giao 602 tỷ đồng), chiếm 0,5% thu nội địa.

- Các khoản thu còn lại ước đạt 26.025 tỷ đồng, bằng 73,2% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm (kế hoạch giao 35.572 tỷ đồng), chiếm 34% thu nội địa.

2. Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu ước đạt 40.737 tỷ đồng, bằng 147,4% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm (kế hoạch giao 27.628 tỷ đồng), chiếm 34,6% tổng thu NSNN trên địa bàn.

3. Thu vay vốn để bù đắp bội chi ước đạt 312 tỷ đồng, bằng 13% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm (kế hoạch giao 2.402 tỷ đồng), chiếm 0,3% tổng thu NSNN trên địa bàn.

4. Thu từ quỹ dự trữ tài chính, Thu viện trợ, Thu huy động, đóng góp: ước thu đạt 224 tỷ đồng, là những khoản thu phát sinh ngoài dự toán giao.

Nhìn chung, qua 04 năm thực hiện Kế hoạch tài chính - NSNN 05 năm 2021-2025 thì thu NSNN trên địa bàn cơ bản vượt tiến độ thu so với mục tiêu đề ra, chủ yếu vượt thu từ hoạt động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất do giá dầu thế giới cao hơn chỉ tiêu Trung ương và HĐND tỉnh giao và vượt thu từ hoạt động xuất nhập khẩu.

Đối với thu nội địa, nếu trừ số thu từ hoạt động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất, thì các khoản thu còn lại ước đạt 29.966 tỷ đồng, bằng 60,7% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm. Nguyên nhân chủ yếu hụt thu từ thu tiền sử dụng đất, hụt thu từ Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất do Công ty tiếp tục triển khai Dự án Thép Hòa Phát Dung Quất 2 nên số thuế GTGT không phát sinh như chỉ tiêu giao, dự án Điện khí Dung Quất chậm triển khai. Ngoài ra, do ảnh hưởng các chính sách miễn, giảm thuế của Chính phủ, như: giảm thuế bảo vệ môi trường, giảm 2% thuế VAT đầu ra, giảm tiền thuê đất, ... nhằm hỗ trợ người dân, doanh nghiệp vượt qua khó khăn do đại dịch Covid 19, dẫn đến không đạt chỉ tiêu giao trong giai đoạn 2021-2024.

Kết quả ước thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp giai đoạn 2021-2024 đạt 69.880 tỷ đồng, bằng 96,6% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm (kế hoạch giao 72.326 tỷ đồng).

II. Về chi ngân sách địa phương

Tổng chi ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2024 ước đạt 64.413 tỷ đồng, bằng 73,2% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm 2021 - 2025 (kế hoạch giao 88.035 tỷ đồng); trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển ước đạt 16.837 tỷ đồng, bằng 58,0% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm (kế hoạch giao 29.025 tỷ đồng).

+ Chi thường xuyên ước đạt 39.667 tỷ đồng, bằng 87,3% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm (kế hoạch giao 45.455 tỷ đồng).

+ Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay ước đạt 6,6 tỷ đồng, bằng 57,9% so với mục tiêu 05 năm (kế hoạch giao 11,5 tỷ đồng).

+ Chi bổ sung Quỹ Dự trữ tài chính 29,9 tỷ đồng, bằng 525,6% so với mục tiêu 05 năm (kế hoạch giao 5,7 tỷ đồng).

+ Chi trả nợ gốc các khoản do chính quyền địa phương vay ước đạt 31,7 tỷ đồng.

+ Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu từ ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu ước đạt 7.840 tỷ đồng, bằng 65,0% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm (kế hoạch giao 12.068 tỷ đồng).

Chi ngân sách địa phương hàng năm thực hiện theo đúng dự toán, kế hoạch được giao. Quản lý, kiểm soát và sử dụng chi ngân sách đúng mục đích, đúng định mức chi tiêu và chế độ tài chính hiện hành. Hạn chế việc bổ sung kinh phí ngoài dự toán được giao trừ các trường hợp cần thiết, cấp bách; hạn chế việc ban hành các chính sách mới của địa phương chưa thật sự cần thiết. Thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi ngân sách, chỉ cho bộ máy quản lý hoạt động, chi hoạt động của đơn vị sự nghiệp công; đảm bảo nguồn lực thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội do Trung ương và địa phương ban hành.

PHẦN III XÂY DỰNG DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

I. Thu ngân sách nhà nước

Năm 2025, dự báo kinh tế tỉnh Quảng Ngãi sẽ tiếp tục có sự phục hồi và tăng trưởng. Tuy nhiên, năm 2025 và giai đoạn 2025-2027 vẫn còn một số khó khăn nhất định như: qua theo dõi thu các năm gần đây trên địa bàn tỉnh phát sinh nguồn thu mới không đáng kể, một số nguồn thu có tăng trưởng nhưng không lớn; cơ cấu, tỷ trọng nguồn thu trên địa bàn phần lớn là phụ thuộc vào số thu từ hoạt động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Một số khó khăn cụ thể như sau:

(1) Đối với khoản thu từ hoạt động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất: Số nộp hàng năm phụ thuộc rất lớn vào giá dầu Brent thế giới luôn biến động rất khó lường. Tháng 9 năm 2024, giá dầu thô Brent thế giới giao dịch ở quanh mức hơn 70 USD/thùng, do đó với dự toán Bộ Tài chính giao ở mức 80 USD/thùng là rất rủi ro trong việc hoàn thành dự toán thu năm 2025 (nếu giá dầu bình quân thế giới năm 2025 ở quanh mức hơn 70 USD/thùng thì ngân sách tỉnh dự kiến hụt thu hơn 1.000 tỷ đồng so với dự toán TW giao). Nội dung này, UBND tỉnh đã kiến nghị với Bộ Tài chính Công văn số 4987/UBND-KTTH ngày 18/9/2024.

(2) Đối với khoản thu từ Công ty CP Đường Quảng Ngãi: Trong những năm gần đây sản lượng bia Dung Quất tiêu thụ có xu hướng giảm dần dẫn đến số thuế nộp hàng năm cũng giảm tương ứng. Bên cạnh đó, giai đoạn 2025-2027 Công ty

sẽ khấu trừ thuế GTGT đầu vào của 01 dự án đầu tư mới và 02 dự án đầu tư mở rộng tại tỉnh Gia Lai với tổng mức đầu tư là 3.500 tỷ đồng; do đó trong giai đoạn 2025-2027 sẽ giảm mạnh số thuế GTGT phải nộp của Công ty.

(3) Đối với khoản thu từ Công ty TNHH Doosan Vina: Việc nộp thuế của Công ty phụ thuộc rất lớn vào việc thực hiện các dự án trong nước Công ty trúng thầu thi công hay xuất khẩu. Năm 2024 các dự án lớn trong nước Công ty trúng thầu thi công đã kết thúc, nên số nộp thuế của Công ty trong năm 2025 sẽ tiếp tục giảm mạnh so với năm 2024 làm ảnh hưởng đến thu NSNN năm 2025.

(4) Về thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh các năm gần đây tăng trưởng khá cả về số lượng và vốn đầu tư. Tuy nhiên, hầu hết các nhà đầu tư tập trung đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất và Khu công nghiệp VSIP có phát sinh số nộp NSNN không lớn, vì đang hưởng ưu đãi về thuế; bên cạnh đó, phần lớn sản phẩm do các nhà máy sản xuất là xuất khẩu nên không phát sinh số thuế GTGT nộp NSNN. Đặc biệt là Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất tiếp tục đầu tư dự án Thép Hòa Phát Dung Quất 2 sẽ tiếp tục khấu trừ thuế GTGT đầu vào dự án đầu tư, nên sẽ không phát sinh số thuế GTGT phải nộp năm 2025.

(5) Trung ương giao dự toán năm 2025 đối với nguồn thu tiền sử dụng đất là 1.600 tỷ đồng, đây là mức giao khá cao so với khả năng thực hiện của tỉnh. Trong những năm gần đây thu tiền sử dụng đất bình quân ở mức 1.000 tỷ đồng, do thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh trầm lắng từ nửa cuối năm 2022 đến nay, các dự án bất động sản do doanh nghiệp làm chủ đầu tư cũng như các dự án do tỉnh làm chủ đầu tư gặp nhiều vướng mắc về chính sách.

(6) Năm 2025, sẽ không còn phát sinh một số khoản thu đột biến trong năm 2024 như: các khoản nộp liên quan đến hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản của Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất; đấu giá tiền cấp quyền trả tiền một lần sẽ không phát sinh nhiều như năm 2024.

Trên cơ sở đánh giá khả năng và nguồn lực địa phương, dự kiến tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2025: 31.950 tỷ đồng, bằng dự toán Trung ương giao.

1. Thu cân đối NSNN trên địa bàn tỉnh (chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm): 31.950 tỷ đồng.

a) Thu nội địa 19.350 tỷ đồng, tăng 9,7% so với ước thực hiện năm 2024. Trong đó:

- Thu từ hoạt động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất: 10.400 tỷ đồng, bằng 102% so ước thực hiện năm 2024.

- Thu tiền sử dụng đất: 1.600 tỷ đồng, bằng 395,1% so ước thực hiện năm 2024.

- Thu các khoản còn lại (trừ thu từ hoạt động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất, thu tiền sử dụng đất): 7.350 tỷ đồng, tăng 4,5% so ước thực hiện năm 2024.

** Cơ sở xây dựng dự toán một số khoản thu nội địa năm 2025:*

(1) Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương: 10.700 tỷ đồng, bằng 102,2% so ước thực hiện 2024. Trong đó:

- Thu từ hoạt động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất: Dự kiến sản lượng tiêu thụ là 7,0 triệu tấn, giá dầu thô bình quân trong năm 80USD/thùng, tỷ trọng dầu nhập từ mỏ Bạch Hổ chiếm 28%/tổng lượng dầu thô đầu vào. Thuế phải nộp là 10.400 tỷ đồng; trong đó: thuế GTGT 4.300 tỷ đồng, thuế TTĐB 5.350 tỷ đồng, thuế TNDN 750 tỷ đồng.

- Thu từ Thủy điện Đăkdrinh: Dự kiến sản lượng điện đạt 540 triệu kwh (*tăng 20 triệu kwh so với sản lượng điện năm 2024*). Các khoản thuế nộp tại Quảng Ngãi: 89 tỷ đồng (*GTGT 51 tỷ đồng, tài nguyên 33 tỷ đồng, thuế TNDN 5 tỷ đồng*), bằng 124,8% so ước thực hiện 2024.

- Thu từ các DNNN Trung ương còn lại: Dự toán 211 tỷ đồng, tăng 4,2% so với ước thực hiện năm 2024.

(2) Thu từ Doanh nghiệp địa phương: Dự toán 48 tỷ đồng, bằng 98,2% so ước thực hiện 2024. Số DNNN địa phương còn lại không nhiều, một số doanh nghiệp đang trong quá trình cổ phần hóa, do đó số thuế dự kiến phát sinh không tăng so với số thu năm 2024.

(3) Thu từ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Dự toán 685 tỷ đồng, bằng 84,6% so ước thực hiện năm 2024, cụ thể như sau:

- Doanh nghiệp FDI: 347 tỷ đồng; gồm: Công ty VSIP 65 tỷ đồng, Công ty điện GE 24 tỷ đồng, Công ty Doosan Vina 100 tỷ đồng, các DN còn lại 158 tỷ đồng.

- Thu từ Nhà thầu nước ngoài thực hiện các dự án là 338 tỷ đồng; gồm: Nhà thầu phục vụ Nhà máy lọc dầu Dung Quất 30 tỷ đồng; nhà thầu phục vụ sản xuất kinh doanh Nhà máy Thép Hòa Phát - Dung Quất và dự án Thép Hòa Phát Dung Quất 2 là 262 tỷ đồng; Công ty Doosan Vina 15 tỷ đồng; các dự án còn lại 31 tỷ đồng.

(4) Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh:

Dự toán thu năm 2025 là 3.737 tỷ đồng, bằng 99,8% so ước thực hiện năm 2024; cụ thể:

- Thu từ các DN, tổ chức: Dự toán 3.663 tỷ đồng; bằng 99,7% so ước thực hiện 2024, bao gồm:

+ Công ty Bia Sài Gòn Quảng Ngãi: Dự kiến sản lượng tiêu thụ năm 2025 đạt 164 triệu lít (*tăng 4 triệu lít so với ước thực hiện năm 2024*). Các khoản thuế phải nộp 1.966 tỷ đồng (Thuế GTGT 209 tỷ đồng; Thuế TTĐB 1.732 tỷ đồng; Thuế TNDN 25 tỷ đồng).

+ Công ty CP Đường Quảng Ngãi: Dự toán xây dựng tiêu thụ 48 triệu lít bia Dung Quất, bằng sản lượng ước thực hiện năm 2024. Các khoản thuế nộp ngân sách 363 tỷ đồng, bằng 84% ước thực hiện năm 2024; trong đó: thuế TTĐB 252 tỷ đồng, thuế GTGT 26 tỷ đồng, thuế TNDN 85 tỷ đồng.

+ Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất: Dự toán 100 tỷ đồng; trong đó: thuế GTGT 10 tỷ đồng, thuế TNDN 87 tỷ đồng, thuế tài nguyên 03 tỷ đồng.

+ Thu từ các DN còn lại: Dự toán 1.234 tỷ đồng, tăng 2,8% so ước thực hiện 2024.

- Thu từ cá nhân kinh doanh: Dự toán 74 tỷ đồng, tăng 4,3% so ước thực hiện năm 2024.

(5) Thuế thu nhập cá nhân: Dự toán 630 tỷ đồng, tăng 2,4% so ước thực hiện 2024.

(6) Thuế bảo vệ môi trường: Dự toán 967 tỷ đồng, bằng 199,4% so ước thực hiện năm 2024. Dự toán cao hơn nhiều so ước thực hiện năm 2024 là do trong năm 2025 dự kiến không còn chính sách giảm thuế bảo vệ môi trường.

(7) Các khoản thu từ đất:

- Tiền sử dụng đất: Dự toán 1.600 tỷ đồng, bằng 395,1% so ước thực hiện 2024. Trong đó:

+ Thu từ các dự án tỉnh quản lý: 1.092 tỷ đồng.

+ Thu từ các dự án của huyện, thị xã, thành phố: 378 tỷ đồng.

+ Thu từ các dự án kinh doanh bất động sản: 130 tỷ đồng (thuộc địa bàn TP Quảng Ngãi).

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Dự toán 18 tỷ đồng, bằng 125,6% so với ước thực hiện 2024.

- Thu cho thuê mặt đất, mặt nước: Dự toán 80 tỷ đồng, bằng 96,9% so ước thực hiện 2024.

(8) Thu tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (Thu tiền sắp xếp lại, xử lý nhà, đất công sản): Dự toán 40 tỷ đồng, bằng 875,3% so ước thực hiện 2024.

(9) Thu khác ngân sách: Dự toán 230 tỷ đồng, bằng 96,5% so ước thực hiện 2024.

(10) Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản tại xã: Dự toán 12 tỷ đồng, bằng 88,2% so ước thực hiện năm 2024.

(11) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước: Dự toán 59 tỷ đồng, bằng 43,5% ước thực hiện 2024. Trong đó: Tiền cấp quyền sử dụng khu vực biển là 14 tỷ đồng. Dự toán năm 2025 thấp so cùng kỳ là do trong năm 2024 có phát sinh một số mỏ khoáng sản phục vụ dự án cao tốc Quảng Ngãi - Hoài Nhơn nộp tiền một lần.

(12) Thu từ xổ số kiến thiết: Dự toán 125 tỷ đồng, tăng 4,2% so ước thực hiện năm 2024. Trong đó: Công ty Xổ số kiến thiết nộp 115 tỷ đồng và Công ty xổ số điện toán Vietlott Việt Nam phân bổ, nộp cho ngân sách tỉnh 10 tỷ đồng.

b) Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu: Dự toán 12.600 tỷ đồng.

Trên cơ sở phân tích, dự báo tình hình hoạt động xuất nhập khẩu và kế hoạch hoạt động của doanh nghiệp, dự toán thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu năm 2025 là 12.600 tỷ đồng, tăng 6,9% so với ước thực hiện năm 2024, bằng dự toán Trung ương giao.

2. Thu vay vốn để bù đắp bội chi: 0 đồng.

II. Chi ngân sách nhà nước

Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025 là 18.750 tỷ đồng (*chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm*). Gồm:

1. Chi cân đối ngân sách địa phương: Dự toán 17.541 tỷ đồng, tăng so với dự toán chi 2024 là 1.170 tỷ đồng, tương ứng tăng 7,1%; cụ thể:

a) Chi đầu tư phát triển: 4.446 tỷ đồng (*bằng 25,3% tổng chi cân đối NSDP*), giảm so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2024 là 649 tỷ đồng, tương ứng giảm 12,7%. Bao gồm các khoản chi:

(1) Chi đầu tư cho các dự án: 4.051 tỷ đồng; trong đó: Cấp tỉnh 3.139 tỷ đồng, giảm 832 tỷ đồng so với dự toán năm 2024, tương ứng giảm 20,95%; cấp huyện 912 tỷ đồng, giảm 58 tỷ đồng so với dự toán năm 2024, tương ứng giảm 5,9%; trong đó:

- Từ nguồn vốn cân đối theo tiêu chí, định mức tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ: 2.384 tỷ đồng (*bao gồm chi từ nguồn thu tiền từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước 40 tỷ đồng*), bằng dự toán Trung ương giao, tăng 182 tỷ đồng so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2024, tương ứng tăng 8,2%.

- Từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 1.600 tỷ đồng, bằng dự toán Trung ương giao, giảm 1.000 tỷ đồng so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2024, tương ứng giảm 38,5%; Trong đó: Cấp tỉnh 1.157 tỷ đồng (*bao gồm: kinh phí chi đầu tư cho các dự án 1.099 tỷ đồng và kinh phí thực hiện công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai 58 tỷ đồng*), giảm 913 tỷ đồng so với năm 2024, tương ứng giảm 44,1%; cấp huyện 443 tỷ đồng, giảm 87 tỷ đồng so với năm 2024, tương ứng giảm 16,4%.

- Từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 125 tỷ đồng, tăng 13 tỷ đồng so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2024, tương ứng tăng 11,6%.

(2) Chi đầu tư phát triển khác: 395 tỷ đồng, tăng 241 tỷ đồng so với năm 2024, tương ứng tăng 256%, gồm:

- Chi bổ sung vốn ủy thác ngân sách tỉnh: 115 tỷ đồng, tăng 65 tỷ đồng so với năm 2024, tương ứng tăng 56,5% (*gồm: Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm tăng 15 tỷ đồng so với năm 2024, bố trí mới cho vay cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg ngày 15/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ 20 tỷ đồng và cho vay hỗ trợ nhà ở theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ 30 tỷ đồng*).

- Chi hỗ trợ thực hiện công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai cho 06 huyện, thị xã (*Bình Sơn, Sơn Hà, Sơn Tây, Mộ Đức, Đức Phổ, Trà Bồng*): 280 tỷ đồng (*bao gồm 58 tỷ đồng từ nguồn thu tiền sử dụng đất*), tăng 176 tỷ đồng so với năm 2024, tương ứng tăng 14%.

* Tỷ lệ cơ cấu chi đầu tư trên tổng chi cân đối ngân sách địa phương qua các năm: Năm 2021 là 34% (*bao gồm từ nguồn bội chi 41,3 tỷ đồng*); năm 2022 là 28,2% (*bao gồm từ nguồn bội chi 83,1 tỷ đồng*); năm 2023 là 31,5% (*bao gồm*

từ nguồn bội chi 237 tỷ đồng), năm 2024 là 31,1% (bao gồm từ nguồn bội chi 130,6 tỷ đồng), năm 2025 là 24,1%. Nếu loại trừ nguồn bội chi thì cơ cấu chi qua các năm: Năm 2021 là 33,7%; năm 2022 là 27,8%; năm 2023 là 30,4%, năm 2024 là 30,6%, năm 2025 là 25,3%.

Tốc độ tăng chi đầu tư: Năm 2021 so với năm 2020 tăng 3,8%; năm 2022 so với năm 2021 tăng 49,8%; năm 2023 so với năm 2022 tăng 7,5%; năm 2024 so với năm 2023 tăng 9,4%; năm 2025 so với năm 2024 giảm 12,7% nguyên nhân là do chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất giảm 1.000 tỷ đồng nhưng chi đầu tư từ nguồn vốn đầu tư trong nước xây dựng cơ bản tập trung tăng 182 tỷ đồng và không thực hiện chi đầu tư từ nguồn bội chi như năm 2024.

Như vậy, việc bố trí vốn đầu tư năm 2025 từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung trong nước đảm bảo theo Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương (bao gồm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững).

b) Chi thường xuyên: Dự toán 12.582 tỷ đồng (bao gồm tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn CCTL của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước), bằng 71,7% tổng chi cân đối NSDP; tăng so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2024 là 2.168 tỷ đồng, tương ứng tăng 20,8%.

- Tỷ lệ cơ cấu chi thường xuyên trên tổng chi cân đối ngân sách địa phương qua các năm: Năm 2021 là 64%; năm 2022 là 54,8%; năm 2023 là 65,1%; năm 2024 là 63,6%; năm 2025 là 71,7%.

- Tốc độ tăng chi thường xuyên: Năm 2021 so với năm 2020 giảm 9,5%; năm 2022 so với năm 2021 tăng 8,9%; năm 2023 so với năm 2022 tăng 7,9%; năm 2024 so với năm 2023 tăng 10,5%; năm 2025 so với năm 2024 tăng 20,8% nguyên nhân tăng là do chi thực hiện mức lương cơ sở từ 1,8 triệu đồng/tháng lên 2,34 triệu đồng/tháng và thực hiện một số chính sách mới ban hành.

c) Chi trả lãi vay: 4,1 tỷ đồng.

d) Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính địa phương: 1,1 tỷ đồng.

đ) Dự phòng ngân sách 406 tỷ đồng (bằng 2,31% tổng chi cân đối NSDP), bằng dự toán năm 2024. Trong đó dự phòng ngân sách cấp tỉnh 205 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện, xã 201 tỷ đồng.

e) Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 102 tỷ đồng.

2. Chi từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu: 1.193 tỷ đồng; trong đó:

a) Chi các chương trình mục tiêu quốc gia: 486 tỷ đồng

b) Vốn đầu tư thực hiện chương trình, dự án: 565 tỷ đồng

c) Vốn sự nghiệp thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ: 142 tỷ đồng

3. Chi trả nợ gốc: 17 tỷ đồng.

III. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện dự toán NSNN năm 2025

1. Giải pháp thực hiện thu NSNN trên địa bàn tỉnh

a) Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan tỉnh tích cực phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác quản lý thu, tổ chức thực hiện tốt các luật thuế và các nhiệm vụ thu NSNN ngay từ đầu năm 2025; cụ thể:

- Tổ chức theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách; quản lý từng nguồn thu, sắc thuế; thực hiện thu đúng, thu đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào NSNN. Rà soát, xác định các nguồn thu tiềm năng, các lĩnh vực, loại thuế còn thất thu, kịp thời tham mưu cấp thẩm quyền chỉ đạo thực hiện quản lý thu thuế có hiệu quả.

- Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả đề án về tăng cường quản lý thu, chống thất thu đối với các lĩnh vực tài nguyên khoáng sản, kinh doanh bất động sản và thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 1795/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Tổ chức thực hiện có hiệu quả đề án nộp thuế điện tử đối với cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 1211/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

- Thực hiện quyết liệt thu nợ đối với những đơn vị có số nợ lớn, thường xuyên nợ NSNN; đẩy mạnh áp dụng các biện pháp đôn đốc thu nợ và cưỡng chế nợ thuế theo đúng quy định của Luật Quản lý thuế.

- Đôn đốc thu hồi kịp thời các khoản phải thu theo kiến nghị của cơ quan kiểm toán, kết luận của cơ quan thanh tra.

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp về cải cách thủ tục hành chính, cải cách hệ thống thuế, chuyển đổi số, phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa công tác quản lý thuế.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các sở, ngành, địa phương xây dựng phương án và triển khai thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn, đảm bảo hoàn thành dự toán thu tiền sử dụng đất do HĐND tỉnh giao; phối hợp với Cục thuế tỉnh trong công tác quản lý thu thuế đối với tài nguyên, khoáng sản khai thác trên địa bàn.

c) Sở Tài chính phối hợp với Cục Thuế tỉnh tham mưu UBND tỉnh các giải pháp trong chỉ đạo, điều hành thu NSNN; xác định tiền bảo vệ, phát triển đất lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp, thông báo cho người sử dụng đất nộp vào NSNN theo quy định.

d) UBND cấp huyện tăng cường chỉ đạo, điều hành công tác thu trên địa bàn, phân đấu tăng thu ngân sách so với dự toán HĐND huyện, thị xã, thành phố giao; đẩy nhanh tiến độ đấu giá quyền sử dụng đất đối với các dự án do huyện làm chủ đầu tư; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp để phát triển sản xuất kinh doanh; phối hợp chặt chẽ với Cơ quan thuế trong công tác quản lý và khai thác nguồn thu, thu hồi kịp thời nợ đọng thuế, chống thất thu ngân sách, nhất là trong các lĩnh vực: Kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai, dịch vụ ăn uống, vận tải, bất động sản, khai thác tài nguyên,... Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn đẩy mạnh thu các khoản phí lệ phí, thu tại xã, thu khác ngân sách.

2. Giải pháp thực hiện dự toán chi ngân sách địa phương

a) Đối với chi đầu tư:

- Các Chủ đầu tư tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công, nhất là vướng mắc về thủ tục đầu tư, giải phóng mặt bằng, thủ tục nghiệm thu, thanh quyết toán vốn đầu tư, ... đề ra các giải pháp, biện pháp cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế để kịp thời đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công, nỗ lực phấn đấu quyết tâm cao nhất để giải ngân 100% vốn đầu tư công kế hoạch năm 2025.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công, có chế tài xử lý nghiêm theo quy định pháp luật các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tổ chức, cá nhân cố tình gây khó khăn, cản trở, làm chậm tiến độ giao vốn, thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.

- Tăng cường công tác quản lý vốn đầu tư công, thường xuyên tổ chức kiểm tra hiện trường để đề ra giải pháp phù hợp của từng dự án nếu có vướng mắc phát sinh để đẩy nhanh giải ngân vốn.

b) Đối với chi thường xuyên:

- Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh tổ chức điều hành, quản lý chi ngân sách nhà nước theo đúng chế độ quy định, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; công khai minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước.

- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 được giao thực hiện rà soát, sắp xếp, tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, khuyến khích các đơn vị phấn đấu tăng nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp để chủ động cân đối nguồn thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở, ngân sách không phải bổ sung thêm kinh phí; thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, chi tiếp khách, tổ chức lễ kỷ niệm; thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước và công khai, minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Thuế tỉnh;
- Cục Hải quan tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP(KTT), các P.N/cứu;
- Công TT-ĐT tỉnh;
- Lưu: VT, P.KTTH.Tien506.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Phước Hiền

TÌNH HÌNH ƯỚC THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 244/BC-UBND ngày 22/11/2024 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Dự toán năm 2024	Dự kiến thu năm 2024	So sánh (%) dự kiến thu với		Dự toán Trung ương giao năm 2025	Dự toán tỉnh giao năm 2025	So sánh dự toán tỉnh giao với dự toán Trung ương giao	So sánh (%) dự toán 2025 với ước thực hiện 2024
					Dự toán 2024	Thực hiện 2023				
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(3/2)	(5)=(3/1)	(6)	(7)	(8)=(7)-(6)	(9)=(7/3)
	Thu nội địa	20.906.175	17.640.000	17.640.245	100,0%	84,4%	19.350.000	19.350.000	-	109,7%
	Thu từ NMLD Dung Quất	12.732.992	8.205.000	10.200.000	124,3%	80,1%	10.400.000	10.400.000	-	102,0%
	Các khoản thu còn lại	8.173.183	9.435.000	7.440.245	78,9%	91,0%	8.950.000	8.950.000	-	120,3%
	Các khoản còn lại trừ tiền sử dụng đất	7.140.214	6.835.000	7.035.245	102,9%	98,5%	7.350.000	7.350.000	-	104,5%
	TỔNG THU NSNN TRÊN BÀN (A)+(B)	30.667.151	25.550.600	29.503.481	115,5%	96,2%	31.950.000	31.950.000	-	108,3%
A	Tổng thu cân đối NSNN trên địa bàn (I)+...+(IV)	30.613.435	25.420.000	29.462.585	115,9%	96,2%	31.950.000	31.950.000	-	108,4%
I	Thu nội địa	20.906.175	17.640.000	17.640.245	100,0%	84,4%	19.350.000	19.350.000	-	109,7%
1	Thu từ DNNN do Trung ương quản lý	13.011.818	8.473.000	10.473.710	123,6%	80,5%	10.700.000	10.700.000	-	102,2%
	- Thuế giá trị gia tăng	5.834.221	3.946.400	4.491.610	113,8%	77,0%	4.525.000	4.525.000	-	100,7%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	919.005	408.900	739.000	180,7%	80,4%	790.000	790.000	-	106,9%
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	6.220.846	4.080.000	5.210.000	127,7%	83,8%	5.350.000	5.350.000	-	102,7%
	- Thuế tài nguyên	37.746	37.700	33.100	87,8%	87,7%	35.000	35.000	-	105,7%
	Trong đó: Thu từ NMLD Dung Quất	12.732.992	8.205.000	10.200.000	124,3%	80,1%	10.400.000	10.400.000	-	102,0%
	- Thuế giá trị gia tăng	5.626.613	3.750.000	4.290.000	114,4%	76,2%	4.300.000	4.300.000	-	100,2%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	885.533	375.000	700.000	186,7%	79,0%	750.000	750.000	-	107,1%
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	6.220.846	4.080.000	5.210.000	127,7%	83,8%	5.350.000	5.350.000	-	102,7%
2	Thu từ doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	51.884	45.000	48.860	108,6%	94,2%	48.000	48.000	-	98,2%
	- Thuế giá trị gia tăng	31.475	19.000	25.260	132,9%	80,3%	27.200	27.200	-	107,7%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.808	24.000	22.000	91,7%	117,0%	19.000	19.000	-	86,4%
	- Thuế tài nguyên	1.601	2.000	1.600	80,0%	99,9%	1.800	1.800	-	112,5%
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	824.504	743.000	809.780	109,0%	98,2%	685.000	685.000	-	84,6%

Số TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Dự toán năm 2024	Dự kiến thu năm 2024	So sánh (%) dự kiến thu với		Dự toán Trung ương giao năm 2025	Dự toán tỉnh giao năm 2025	So sánh dự toán tỉnh giao với dự toán Trung ương giao	So sánh (%) dự toán 2025 với ước thực hiện 2024
					Dự toán 2024	Thực hiện 2023				
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(3/2)	(5)=(3/1)	(6)	(7)	(8)=(7)-(6)	(9)=(7/3)
	- Thuế giá trị gia tăng	360.428	369.600	364.780	98,7%	101,2%	230.000	230.000	-	63,1%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	463.370	372.400	445.000	119,5%	96,0%	455.000	455.000	-	102,2%
	- Thuế tài nguyên	706	1.000		0,0%	0,0%			-	
4	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	3.503.381	3.814.000	3.746.000	98,2%	106,9%	3.737.000	3.737.000	-	99,8%
	- Thuế giá trị gia tăng	1.115.343	1.202.500	1.213.245	100,9%	108,8%	1.218.000	1.218.000	-	100,4%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	324.645	367.600	337.950	91,9%	104,1%	360.000	360.000	-	106,5%
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.886.325	2.073.000	1.930.055	93,1%	102,3%	1.986.000	1.986.000	-	102,9%
	- Thuế tài nguyên	177.068	170.900	264.750	154,9%	149,5%	173.000	173.000	-	65,3%
5	Lệ phí trước bạ	209.127	185.000	183.770	99,3%	87,9%	195.000	195.000	-	106,1%
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	5		5		102,5%			-	
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	18.366	12.000	14.330	119,4%	78,0%	18.000	18.000	-	125,6%
8	Thuế thu nhập cá nhân	536.669	535.000	615.330	115,0%	114,7%	630.000	630.000	-	102,4%
9	Thuế bảo vệ môi trường	569.495	450.000	485.000	107,8%	85,2%	967.000	967.000	-	199,4%
10	Thu phí và lệ phí	183.857	175.000	258.200	147,5%	140,4%	220.000	220.000	-	85,2%
11	Tiền sử dụng đất	1.032.969	2.600.000	405.000	15,6%	39,2%	1.600.000	1.600.000	-	395,1%
12	Thu cho thuê mặt đất, mặt nước	108.238	54.000	82.570	152,9%	76,3%	80.000	80.000	-	96,9%
13	Thu tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	87.230	30.000	4.570	15,2%	5,2%	40.000	40.000	-	875,3%
14	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	193.708	98.000	135.770	138,5%	70,1%	59.000	59.000	-	43,5%
15	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản,... tại xã	19.165	12.000	13.600	113,3%	71,0%	12.000	12.000	-	88,2%
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	106.627	112.000	120.000	107,1%	112,5%	125.000	125.000	-	104,2%
17	Thu khác	338.397	300.000	238.450	79,5%	70,5%	230.000	230.000	-	96,5%
18	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và LNST NSDP hưởng 100%	110.735	2.000	5.300	265,0%	4,8%	4.000	4.000	-	75,5%
II	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	9.632.422	7.780.000	11.788.340	151,5%	122,4%	12.600.000	12.600.000	-	106,9%
1	Thuế xuất khẩu	88.311	150.000	171.320	114,2%	194,0%	200.000	200.000	-	116,7%
2	Thuế nhập khẩu	230.804	150.000	451.871	301,2%	195,8%	409.500	409.500	-	90,6%
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	3		5		166,7%			-	

Số TT	Chi tiêu	Thực hiện năm 2023	Dự toán năm 2024	Dự kiến thu năm 2024	So sánh (%) dự kiến thu với		Dự toán Trung ương giao năm 2025	Dự toán tỉnh giao năm 2025	So sánh dự toán tỉnh giao với dự toán Trung ương giao	So sánh (%) dự toán 2025 với ước thực hiện 2024
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(3/2)	(5)=(3/1)	(6)	(7)	(8)=(7)-(6)	(9)=(7/3)
4	Thuế bảo vệ môi trường	56.332	24.000	75.505	314,6%	134,0%	90.000	90.000	-	119,2%
5	Thuế giá trị gia tăng	9.252.590	7.455.000	11.086.803	148,7%	119,8%	11.900.000	11.900.000	-	107,3%
6	Thu khác	4.382	1000	2.836		64,7%	500	500	-	17,6%
III	Thu viện trợ	35.313	0	5.000						
IV	Thu huy động, đóng góp	39.525		29.000						
B	Thu vay vốn	53.716	130.600	40.896	31,3%	76,1%			-	0,0%
	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A)+(B)	22.733.947	18.594.982	19.119.531	102,8%	84,1%	18.750.321	18.750.321	-	98,1%
A	Thu cân đối ngân sách địa phương (1)+...+(IV)	22.701.349	18.464.382	19.086.372	103,4%	84,1%	18.750.321	18.750.321	-	98,2%
I	Các khoản thu cân đối NSDP được hưởng theo phân cấp	19.115.428	16.240.120	16.073.029	99,0%	84,1%	17.557.792	17.557.792	-	109,2%
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	2.326.483	3.528.550	1.485.765	42,1%	63,9%	2.534.200	2.534.200	-	170,6%
2	Các khoản thu NSDP hưởng theo tỷ lệ % phần chia	16.788.945	12.711.570	14.587.264	114,8%	86,9%	15.023.592	15.023.592	-	103,0%
II	Bổ sung từ ngân sách trung ương	3.514.797	2.224.262	2.982.343	134,1%	84,9%	1.192.529	1.192.529	-	40,0%
III	Thu viện trợ	31.599		2.000						
IV	Thu huy động, đóng góp	39.525		29.000						
B	Thu vay vốn	32.598	130.600	33.159	25,4%	101,7%	-	-	-	0,0%

TÌNH HÌNH ƯỚC CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 274/BC-UBND ngày 28/4/2024 của UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

Số TT	Chi tiêu	Thực hiện năm 2023	Dự toán năm 2024	Dự kiến chi năm 2024	So sánh (%) dự kiến chi với		Dự toán Trung ương giao năm 2025	Dự toán tỉnh giao năm 2025	So sánh Dự toán tỉnh giao với dự toán Trung ương giao	So sánh (%) dự toán 2025 với dự toán 2024
					Dự toán 2024	Thực hiện 2023				
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=(3/2)	(5)=(3/1)	(6)	(7)	(8)=(7)-(6)	(9)=(7/2)
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A)+(B)+(C)	17.373.711	18.594.982	17.705.108	95,2%	101,9%	18.750.321	18.750.321	0	100,8%
A	CHI CÂN ĐỐI	14.714.748	16.370.720	15.817.488	96,6%	107,5%	17.541.092	17.541.092	0	107,1%
I	Chi đầu tư phát triển	5.009.929	5.095.015	3.869.548	75,9%	77,2%	4.108.930	4.445.930	337.000	87,3%
I	Chi đầu tư XDCB	4.964.929	5.045.015	3.808.998	75,5%	76,7%	4.108.930	4.108.930	-	81,4%
I.1	Chi đầu tư XDCB vốn tập trung trong nước	2.612.053	2.202.415	2.202.415	100,0%	84,3%	2.383.930	2.383.930	-	108,2%
	<i>Trong đó: - Chi từ nguồn thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước</i>	100.000	30.000	30.000	100,0%	30,0%	40.000			133,3%
	<i>- Chi trả nợ gốc các khoản do chính quyền địa phương vay</i>	7.365	12.388	12.001	96,9%	162,9%				
I.2	Chi đầu tư hạ tầng từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.220.951	2.600.000	1.461.424	56,2%	65,8%	1.600.000	1.600.000	-	61,5%
	<i>Trong đó: Trích 5% KP thực hiện công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai</i>		104.000	15.000	14,4%		58.000			
I.3	Chi đầu tư hạ tầng từ nguồn thu XKST	99.326	112.000	112.000	100,0%	112,8%	125.000	125.000	-	111,6%
I.4	Chi đầu tư từ nguồn bồi chi	32.599	130.600	33.159	25,4%	101,7%			-	0,0%
II	Chi thường xuyên	45.000	50.000	60.550	121,1%	134,6%	337.000	337.000	337.000	674,0%
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.561.516	4.049.321	4.571.327	112,9%	128,4%	5.001.003	5.109.488	108.485	126,2%
2	Chi khoa học và công nghệ	16.666	30.170	30.557	101,3%	183,3%	32.566	33.770	1.204	111,9%
3	Chi quốc phòng	265.030	208.258	278.258	133,6%	105,0%		239.851		115,2%
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	161.215	145.624	261.237	179,4%	162,0%		183.336		125,9%
5	Chi y tế, dân số và gia đình	1.003.824	1.007.129	1.062.633	105,5%	105,9%		1.323.461		131,4%
6	Chi văn hóa thông tin	143.830	137.671	140.725	102,2%	97,8%		174.953		127,1%
7	Chi phát thanh, truyền hình	40.618	42.201	44.877	106,3%	110,5%		66.796		158,3%

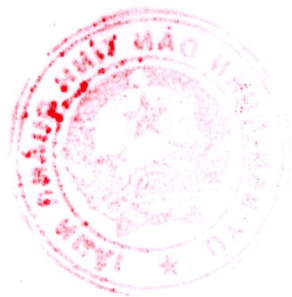
Số TT	Chi tiêu	Thực hiện năm 2023	Dự toán năm 2024	Dự kiến chi năm 2024	So sánh (%) dự kiến chi với		Dự toán Trung ương giao năm 2025	Dự toán tỉnh giao năm 2025	So sánh Dự toán tỉnh giao với dự toán Trung ương giao	So sánh (%) dự toán 2025 với dự toán 2024
					Dự toán 2024	Thực hiện 2023				
8	Chi thể dục thể thao	37.124	48.215	48.688	101,0%	131,1%		63.032		130,7%
9	Chi bảo vệ môi trường	183.499	204.935	224.935	109,8%	122,6%		218.584		106,7%
10	Chi các hoạt động kinh tế	1.505.717	1.896.181	2.356.635	124,3%	156,5%		2.024.086		106,7%
11	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1.941.205	1.798.107	1.953.773	108,7%	100,6%		2.214.700		123,2%
12	Chi bảo đảm xã hội	773.978	790.750	895.620	113,3%	115,7%		864.132		109,3%
13	Chi thường xuyên khác	60.356	55.466	71.469	128,9%	118,4%		66.169		119,3%
III	Chi trả nợ lãi các khoản vay chính quyền địa phương	1.416	3.100	3.100	100,0%	218,9%	4.100	4.100	-	132,3%
IV	Chi bổ sung Quỹ Dự trữ tài chính	8.825	1.140	4.106	360,2%	46,5%	1.140	1.140	-	100,0%
V	Chi dự phòng ngân sách		406.003				406.003	406.003	-	100,0%
VI	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương		451.434				214.562	101.562	(113.000)	22,5%
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.658.963	2.224.262	1.887.620	84,9%	71,0%	1.192.529	1.192.529	-	53,6%
1	Các chương trình mục tiêu quốc gia	833.508	1.129.903	897.565	79,4%	107,7%	485.880	485.880	-	43,0%
2	Vốn đầu tư thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.761.650	723.570	619.266	85,6%	35,2%	565.112	565.112	-	78,1%
3	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	63.805	370.789	370.789	100,0%	581,1%	141.537	141.537	-	38,2%
C	CHI TRẢ NỢ GỐC						16.700	16.700	-	

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DƯ PHÒNG NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 214/BC-UBND ngày 22/11/2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Quyết định		Đơn vị	Nội dung chi	Số tiền	Ghi chú
	Số	Ngày				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A	Nguồn kinh phí bố trí dự toán năm 2024				219.847	
B	Kinh phí đã sử dụng				49.731	
1	97/QĐ-UBND	23/01/2024	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Thực hiện hỗ trợ quà Tết cho hộ nghèo, hộ cận nghèo nhân dịp tết Nguyên đán Giáp Thìn - năm 2024	8.722	
2	303/QĐ-UBND	05/04/2024	UBND các huyện: Bình Sơn, Tư Nghĩa, Mộ Đức; thị xã Đức Phổ và Thành phố Quảng Ngãi; BQL dự án GCF	Bố trí kinh phí thực hiện Dự án thành phần GCF tỉnh Quảng Ngãi- Kế hoạch năm 2024	8.500	
3	548/QĐ-UBND	13/5/2024	Công an tỉnh	Hỗ trợ kinh phí lắp đặt biển báo khu vực bảo vệ; khu vực cấm tập trung đông người, cấm ghi âm, ghi hình, chụp ảnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	1.423	
4	865/QĐ-UBND	12/7/2024	UBND huyện Lý Sơn	Hỗ trợ kinh phí để thực hiện diễn tập ứng phó với thảm họa sóng thần trong diễn tập phòng thủ dân sự huyện Lý Sơn năm 2024	2.500	
5	627/QĐ-UBND	24/9/2024	Các tỉnh, thành phố phía Bắc	Hỗ trợ UBND các tỉnh, thành phố phía Bắc kinh phí để hỗ trợ nhân dân khắc phục bão số 3	10.000	
6	689/QĐ-UBND	24/10/2024	Công an tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Bổ sung kinh phí thực hiện Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh	18.586	
C	Kinh phí còn lại (A)-(B)				170.116	



Phụ lục 04
CÁC KHOẢN TẠM ỨNG, ỨNG TRƯỚC NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số 274/BC-UBND ngày 22/11/2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Tên đơn vị	Nội dung	Số dư đến ngày 31/12/2023 (số thực tế ứng)	Số tạm ứng trong năm 2024	Số thu hồi trong năm 2024	Số dư đến ngày 31/12/2024	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (4) + (5) - (6)	(8)
	Tổng cộng		96.445	0	48.562	47.883	
1	BQL Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi		45.400	0	23.047	22.353	
+	BQL Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi	Tạm ứng thực hiện Dự án Khu dân cư Mẫu Trạch	20.000		20.000	0	
+	BQL Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi	Tạm ứng thực hiện công tác bồi thường tạo Quỹ đất sạch Khu kinh tế Dung Quất.	25.400		3.047	22.353	
2	UBND các huyện, thị xã, thành phố		25.515	0	25.515	0	
+	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Ứng trước kinh phí thực hiện hỗ trợ hộ nghèo đã xây dựng nhà hoàn thành theo QĐ 167/2008/QĐ-TTg nhưng chưa được hỗ trợ	25.515		25.515	0	
3	Huyện Lý Sơn		24.550			24.550	
+	UBND huyện Lý Sơn	Hạng mục cải tạo kè chắn, vỉa hè, cây xanh, điện chiếu sáng, hệ thống camera thuộc dự án nâng cấp đường Cơ động Lý Sơn	24.550			24.550	
4	Sở Công Thương		980			980	
+	Sở Công Thương	Tạm ứng để thực hiện bình ổn giá	980			980	

